

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nở - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm 2002; Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở: Tổ 4, ấp Đ, P. T, TX. C, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Võ K, sinh năm 2002; Địa chỉ: KP.2, P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn B, sinh năm 1976. Địa chỉ: KP.2, P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Đồng Tâm, P. T, TX. C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Võ K chung sống với nhau vào năm 2020, đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình

Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 thì vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân ông K ra ngoài quen người khác bà T phát hiện thì ông K hứa bỏ nên bà T bỏ qua. Sau một thời gian thì bà T phát hiện ông K tiếp tục cặp bồ với người khác nhưng bà T nói ông K không nghe nữa. Bà T cũng nhờ cha mẹ hai bên khuyên ngăn nhưng ông K không nghe mà đi theo người khác mặc kệ bà T. Bà T buồn nên về nhà mẹ ruột sinh sống luôn cho đến nay không còn liên lạc gì với ông K nữa. Nay bà T không còn tình cảm gì với ông K nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung tên Võ A, sinh ngày 02/10/2020 hiện đang sống cùng ông K. Nay ly hôn bà T yêu cầu giao cho con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ K mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập họp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông K được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn T xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS còn bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà T, ông K chung sống với nhau vào năm 2020 có đăng ký kết hôn năm 2022 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Nguyễn T được ly hôn với ông Võ K

Về con chung: Giao con chung cho ông Võ K trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Võ K hiện có nơi cư trú tại KP.2, P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Võ K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Bà Nguyễn T, bị đơn ông Võ K tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do ông K ra ngoài quen người khác bà T phát hiện thì ông K hứa bỏ nên bà T bỏ qua. Sau một thời gian thì bà T phát hiện ông K tiếp tục cặp bồ với người khác nhưng bà T nói ông K không nghe nữa. Bà T cũng nhờ cha mẹ hai bên khuyên ngăn nhưng ông K không nghe mà đi theo người khác mặc kệ bà T. Bà T buồn nên về nhà mẹ ruột sinh sống luôn cho đến nay không còn liên lạc gì với ông K nữa. Lời trình bày của bà T cũng phù hợp với lời khai người làm chứng là bà Nguyễn B (mẹ ruột ông Võ K) và bà Nguyễn H (mẹ ruột bà T). Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông K

[6] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà T, ông K có 01 con chung tên Võ A, sinh ngày 02/10/2020 hiện đang sống cùng ông K, bà T yêu cầu giao con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét lời trình bày của bà T và lời khai người làm chứng là bà Nguyễn B, bà Nguyễn H thì từ lúc bà T, ông K sống ly thân đến nay thì cháu A vẫn ở với cha và ông bà nội. Hiện nay cháu A được chăm sóc nuôi dạy nên cháu sinh sống phát triển bình thường. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung tên Võ A, sinh ngày 02/10/2020 cho ông Võ K trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Nguyễn T được ly hôn với ông Võ K
2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Võ A, sinh ngày 02/10/2020 cho ông Võ K trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con
3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004143 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND P. H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Thiều Nguyễn Việt Thành

Ung Thị Ngọc Thanh

